ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1003 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện năm 2021 dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Hiệp định Tài trợ số hiệu 6426-VN; 6427-VN; 6428-VN và 6429-VN ngày 29/11/2019 cho dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực – Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo quy định của Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ; điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và phê duyệt khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thư ngày 20/8/2020 của Ngân hàng Thế giới về Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch thực hiện năm 2020 dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thư ngày 24/12/2020 của Ngân hàng Thế giới về Kế hoạch thực hiện năm 2021 dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tại Công văn số 226/BQLDAKV-KHTH ngày 22/3/2021 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch thực hiện năm 2021 dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 809/SKHĐT-TĐ ngày 05/02/2021 và Công văn số 890/UBND-GPMB ngày 22/3/2021 của UBND thị xã Nghi Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch thực hiện năm 2021 dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND thị xã Nghi Sơn, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và du lịch, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và Trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

(12080.2021)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

UBND TỈNH THANH HÓA

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỔNG THỂ

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP CÁC ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC

TIỂU DỰ ÁN ĐÔ THỊ TĨNH GIA – TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
2. **Chủ dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa.
3. **Tổng mức đầu tư dự án**: 1.776.511.470.000 đồng (tương đương 78,96 triệu USD; tỷ giá 1USD = 22.500 VNĐ).

Trong đó:

a. Vốn vay IDA chuyển đổi của WB: 1.198.961.478.000 đồng tương đương 53,29 triệu USD. Trong đó, UBND tỉnh Thanh Hóa vay lại: 479.584.591.000 đồng tương đương 21,31 triệu USD (40% giá trị khoản vay); ngân sách Trung ương cấp phát: 719.376.887.000 đồng tương đương 31,972 triệu USD (60% giá trị khoản vay).

b. Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: 577.549.992.000 đồng tương đương 25,67 triệu USD.

4. Mục tiêu của dự án

4.1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường khả năng tiếp cận đến dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị được cải thiện; Tăng cường năng lực lập quy hoạch và quản lý đô thị tại nơi thực hiện dự án.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

Theo kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt, Dự án sẽ cung cấp tài chính cho cơ sở hạ tầng đô thị chiến lược và chống chịu khí hậu, giúp Tinh Gia: (a) cải thiện khả năng tiếp cận và độ tin cậy của các dịch vụ đô thị cho 40% dân số thấp nhất; (b) thúc đẩy sự phát triển của các khu phố có quyền truy cập vào các không gian công cộng và giao thông công cộng chất lượng cao; (c) hỗ trợ tiếp tục tăng trưởng kinh tế xã hội (ví dụ, bằng cách tăng cường năng suất và nền kinh tế nội địa hóa, loại bỏ các hạn chế về cơ sở hạ tầng, cải thiện kết nối, tạo điều kiện tạo việc làm tại địa phương); và (d) thúc đẩy phụ nữ cơ hội để tiếp cận công việc được trả lương. Dự án cũng sẽ hỗ trợ các thành phố tiểu dự án trong việc giải quyết các thách thức phát triển đô thị cơ bản thông qua hỗ trợ kỹ thuật cho quy hoạch và quản lý đô thị tổng hợp nhằm thúc đẩy phát triển đô thị bền vững hơn và phát triển các khu dân cư chất lượng cao hơn.

5. Nội dung đầu tư: Gồm các hợp phần sau:

5.1. Hợp phần 1: Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

Một loạt các khoản đầu tư sẽ được cấp vốn thực hiện nhằm cải thiện việc tiếp cận và chất lượng các dịch vụ cơ sở hạ tầng đô thị quan trọng, bao gồm cả điều kiện vệ sinh môi trường đô thị, giao thông đô thị và các tiện nghi đô thị. Hợp phần này bao gồm các hạng mục công việc chính của bao gồm 04 hạng mục của hệ

thống giao thông; 02 công trình hệ thống thoát nước; 01 công trình hệ thống thu gom và xử lý nước thải và 01 công trình xây dựng các khu tái định cư.

*** Tiểu hợp phần 1.1 - Giao thông đô thị:**

- Xây dựng tuyến đường ven biển đoạn từ Ninh Hải – Cầu Lạch Bạng 2: Chiều dài 9,95 Km. Đầu tư giai đoạn 1: nền đường rộng 27m, mặt đường 2x8m, vỉa hè 2x4m, dải phân cách giữa 3m; Cầu Sơn Hải: Cầu bê tông cốt thép, chiều dài nhịp L=2x21m, hai đơn nguyên, mỗi đơn nguyên chiều rộng B=11,5m; Cầu qua kênh Cầu Trắng: Cầu bê tông cốt thép, chiều dài nhịp L=1x33m, hai đơn nguyên, mỗi đơn nguyên chiều rộng B=11,5m

- Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng – KKT Nghi Sơn: Chiều dài tuyến 2,08 Km, nền đường rộng 34m, mặt đường 2x8m, vỉa hè 2x5m, dải phân cách giữa 8m.

- Cải tạo và nâng cấp cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu: Đường 2 đầu cầu chiều dài 0,49 Km, Nền đường rộng 12m, Mặt đường 7m, lề đường 2x2,5m trong đó gia cố lề 2x2m; Cầu Đò Bè: Cầu bê tông cốt thép, chiều rộng B=12m, chiều dài nhịp L=2x21m.

- Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải: Chiều dài tuyến 1,18 Km, Nền đường rộng 27m, Mặt đường 15m, Vỉa hè 2x6m.

*** Tiểu hợp phần 1.2 - Thoát nước đô thị**

- Nâng cấp, cải tạo kênh Than: Chiều dài nạo vét, kè Kênh Than là 4,275Km; Cải tạo cống ngăn mặn đoạn tiếp nối giữa tiêu Kênh Than và sông Bạng.

- Nâng cấp, cải tạo kênh Cầu Trắng: Chiều dài nạo vét, cải tạo kênh chiều dài 5,602 Km.

*** Tiểu hợp phần 1.3 - Vệ sinh môi trường đô thị**

Trên cơ sở các quy hoạch và định hướng phát triển đô thị và để khẩn trương giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường trong tuyến kênh Cầu Trắng, đề xuất xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải như sau:

- Xây dựng các giếng tách để thu nước thải từ hệ thống cống thoát nước chung hiện trạng vào tuyến cống bao;

- Xây dựng tuyến cống bao có chiều dài khoảng 3,82km chạy dọc hai bên tuyến kênh Cầu Trắng đoạn qua khu dân cư;

- Xây dựng 02 trạm bơm, trạm số 1 công suất 360m3/ng.đ, trạm số 2 công suất 600m3/ng.đ và 1,5km đường ống HPDE DN160 từ trạm bơm số 2 về trạm xử lý nước thải;

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 600m3/ngày đêm tại vị trí cuối tuyến kênh Cầu Trắng; Sau khi được xử lý, nước được đổ vào kênh Than.

*** Tiểu hợp phần 1.4 - Các khu tái định cư**

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư cho các hộ dân phải di dời

chỗ ở bởi dự án. Vị trí và quy mô các khu tái định cư đươc đề xuất dựa trên tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương và người dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Dự án đề xuất xây dựng 05 khu tái định cư tại các xã: Ninh Hải, Hải Hòa, Bình Minh, Xuân Lâm, Nguyên Bình với tổng diện tích khoảng 4,7 ha.

5.2. Hợp phần 2: Giải pháp phi kết cấu – Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện dự án

- Lập kế hoạch tổng hợp chiến lược: gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ tạo điều kiện cho việc xây dựng và cập nhật kế hoạch phát triển chiến lược toàn diện, cụ thể theo bối cảnh:

(a) Dựa trên nhu cầu cụ thể, tài chính kinh tế và các vấn đề phát triển chính của thành phố (bao gồm đánh giá lại các giả định kinh tế và nhân khẩu học và dự báo tăng trưởng);

(b) Phù hợp về mặt chức năng và không gian với các kế hoạch chiến lược cấp tỉnh và cấp khu vực được cập nhật;

(c) Củng cố vai trò của thị xã Nghi Sơn, một thành phố thứ cấp trong Kế hoạch tổng thể quốc gia; và (d) áp dụng các công cụ cho quy hoạch đô thị thông báo rủi ro thiên tai và khí hậu. Gói hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ hỗ trợ thành phố trong việc đảm bảo cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em tốt hơn ở các khu vực có IP và EPZ. Điều này sẽ được thực hiện thông qua việc giao đất và ngân sách hợp lý và cải thiện nguồn nhân lực và vật chất cho các cơ sở chăm sóc trẻ em công cộng và tư nhân, phù hợp với chính sách của Chính phủ.

- Quy hoạch giao thông công cộng:Gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển giao thông công cộng phù hợp với kế hoạch tổng thể của thành phố cập nhật và thúc đẩy mở rộng hệ thống giao thông công cộng địa phương. Gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ xác định và bảo vệ các điều khoản để giới thiệu các hình thức giao thông công cộng khi thấy phù hợp trong thành phố;

- Quản lý tài sản:Gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp để tăng cường tính bền vững của tài sản đô thị thông qua việc xây dựng kế hoạch quản lý tài sản với các nguồn tài chính tương ứng cho hoạt động và quản lý (O&M) của các khoản đầu tư dự án. Một phân tích mạnh mẽ về nhu cầu tài chính và các dự báo và thách thức huy động nguồn thu từ nguồn riêng tương ứng sẽ là một phần quan trọng trong việc phát triển và thực hiện các kế hoạch quản lý tài sản cho thành phố;

- Chiến lược du lịch:Gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp để xây dựng các chiến lược phát triển du lịch và công nghiệp để tạo việc làm và tăng khả năng cạnh tranh đô thị;

- Hỗ trợ thực hiện dự án: Gói hỗ trợ kỹ thuật sẽ được cung cấp cho: (a) chuẩn bị thiết kế kỹ thuật cho các tiểu dự án cơ sở hạ tầng, (b) giám sát xây dựng và quản lý hợp đồng, (c) giám sát độc lập các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội, (d) kiểm toán tài chính độc lập và (e) tăng cường năng lực thực hiện dự án để

quản lý dự án, bảo vệ môi trường và xã hội, quản lý tài chính (FM), mua sắm, và giám sát và đánh giá.

6. Thời gian thực hiện:2019-2025.

Theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định phê duyệt dự án số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh thì thời gian thực hiện dự án từ năm 2019 – 2023. Ngày 28/4/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 573/QĐ-TTg để gia hạn thời gian kết thúc dự án đến ngày 30/6/2025; Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến ngày 30/6/2025 tại Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các mốc thực hiện của dự án:

- Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018.

- Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được Bộ Tài nguyên và môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1175/QĐ-BTNMT ngày 13/4/2018.

- Kế hoạch tái định cư của dự án đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/5/2019.

- Kế hoạch đấu thầu của dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 25/02/2020.

- Về việc thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương thực hiện dự án: Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5987/BTC-QLN ngày 27/5/2019, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho tỉnh Thanh Hóa vay lại nguồn vốn vay WB để thực hiện dự án tại Văn bản số 5077/VPCP-QHQT ngày 11/6/2019.

- Về việc bố trí vốn thực hiện dự án: Dự án đã được bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội; được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1291/QĐ-BKHĐT ngày 30/8/2019 với số vốn 87,2 tỷ đồng.

- Về việc phê duyệt phương án sử dụng vốn vay, trả nợ vay của WB để thực hiện dự án: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của Ban Thường vụ tỉnh ủy tại Công văn số 1192-CV/TU ngày 03/4/2019 và Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh phương án sử dụng vốn vay, trả nợ vay của WB thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia tại Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 08/4/2019.

- Về việc ký Hiệp định tài trợ: Hiệp định tài trợ cho dự án đã được ký ngày 29/11/2019 giữa Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới và được Chủ tịch nước phê chuẩn Hiệp định tài trợ tại Quyết định số 371/QĐ-CTN ngày 25/3/2020.Hiệp định tài trợ chính thức có hiệu lực từ ngày 21/5/2020.

2. Các tài liệu chuẩn bị cho dự án:

- Chuẩn bị các hồ sơ theo yêu cầu của WB: Ban quản lý dự án khu vực và đơn vị tư vấn đã lập các báo cáo thành phần, bao gồm: Sổ tay thực hiện dự án, Chiến lược mua sắm đấu thầu, Báo cáo bình đẳng giới đáp ứng yêu cầu của WB. Trong đó, Chiến lược mua sắm đấu thầu đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2020; Sổ tay thực hiện dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2020

- Về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán: Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của 05 công trình của dự án, bao gồm: Cải tạo kênh Than đoạn từ Cầu Mai đến cống Đò Bè tại Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 21/9/2020; Cải tạo kênh Cầu Trắng đoạn từ đường tránh QL1A đến kênh Than tại các Quyết định số 3961/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 và số 4817/QĐ-UBND ngày 09/11/2020; Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 13/11/2020; Xây dựng 05 khu tái định cư tại Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 13/11/2020; Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu tại Quyết định số 4897/QĐ-UBND ngày 13/11/2020.

3. Công tác GPMB

- Về công tác GPMB: UBND tỉnh đã quyết định giao nhiệm vụ cho UBND huyện Tĩnh Gia (nay là UBND thị xã Nghi Sơn) làm chủ đầu tư tiểu dự án GPMB tại Quyết định số 5145/QĐ-UBND ngày 04/12/2019; UBND huyện Tĩnh Gia đã thành lập Hội đồng bồi thường,hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 8823/QĐ-UBND ngày 23/12/2019. Hiện nay, Ban quản lý dự án khu vực đã phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn thực hiện xong việc trích lục bản đồ hiện trạng sử dụng đất; đã phê duyệt dự toán và chi trả kinh phí của các khu tái định cư phường Hải Hòa, Xuân Lâm, Nguyên Bình với giá trị 1,5 tỷ đồng; đã trình phê duyệt duyệt dự toán kinh phí GPMB khu tái định cư phường Ninh Hải với giá trị 2,2 tỷ đồng; đang thực hiện kiểm kê hiện trạng của các hạng mục kênh Cầu Trắng, kênh Than, trạm xử lý nước thải và các hạng mục giao thông.

Đồng thời, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3890/UBND-KTTC ngày 31/3/2020, Ban quản lý dự án khu vực đã nhận bàn giao mặt bằng hiện trạng khu tái định cư Đông Nam cống Đò Bè từ Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp để nâng cấp phục vụ công tác GPMB của dự án.

4. Công tác huy động vốn đối ứng:

Từ năm 2017 – 2019, dự án đã được bố trí số vốn đối ứng là 17,4 tỷ đồng. Trong năm 2020, dự án được giao số vốn đối ứng là 18,7 tỷ đồng.

5. Công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng các gói tư vấn:

- Ban QLDA khu vực đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu của 09 gói thầu: VN-01: Lập phương án kỹ thuật thi công rà phá bom mìn, vật nổ; VN-03: Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ; VN-04: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia và hạng mục Xây dựng 05 khu tái định cư dọc tuyến đường; VN-05: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Cải tạo kênh Than, Kênh Cầu Trắng; VN-06: Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho 70% giá trị khoản vay; VN-07: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục giao thông; VN-08: Tư vấn thẩm định giá vật tư, thiết bị các hạng mục dự án; WB-TV-02: Tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư; WB-TV-03: Tư vấn kiểm toán độc lập.

Các gói thầu: VN-01, VN-03, VN-04, VN-05, VN-06 đã thực hiện hoàn thành; đơn vị tư vấn đang triển khai các gói thầu: VN-07, WB-TV-02, WB-TV-03.

- Ban quản lý dự án khu vực đang tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu: WB-TV- 01: tư vấn giám sát thi công xây dựng.

6. Công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng các gói xây lắp:

Ban quản lý dự án khu vực đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu05 gói thầu, bao gồm: VN-02: Thi công rà phá bom mìn, vật nổ**;** WB-XL- 01: Cải tạo Kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình); WB-XL- 02: Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình); WB-XL- 03: Xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường (bao gồm bao hiểm xây dựng công trình); WB-XL- 04: Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu (bao gồm bao hiểm xây dựng công trình).

Nhà thầu đã thi công hoàn thành gói thầu VN-02. Các gói thầu WB-XL- 01; WB-XL- 02; WB-XL- 03, WB-XL- 04 sẽ khởi công thi côngtừ Quý I năm 2021, các gói thầu còn lại sẽkhởi công từ Quý II năm 2021.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔNG THỂ

1. Kế hoạch thực hiện các hoạt động dự án

- Kế hoạch hoạt động tổng thể: Chi tiết theo Phụ lục 1.

2. Kế hoạch bồi thường, thu hồi đất và tái định cư

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được thực hiện từ tháng 02/2020 đến tháng 02/2024*(Chi tiết theo Phụ lục 06)*.

3. Kế hoạch đấu thầu:

- Ban quản lý dự án khu vực đang tiến hành thực hiện lựa chọn nhà thầu gói thầu WB-TV-01:Tư vấn giám sát thi công xây dựng từ tháng 8/2020.

- Kế hoạch đấu thầu cho từng nguồn vốn cụ thể: bao gồm 23 gói thầu, trong đó: 09 gói thầu sử dụng vốn WB, 15 gói thầu sử dụng vốn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục 2)

4. Kế hoạch giám sát thực hiện dự án:

4.1.UBND tỉnh Thanh Hóa:

- Kiểm tra tính đầy đủ, cập nhật và tính chính xác của các thông tin theo dõi dự án do Ban QLDAcung cấp;

- Phản hồi và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh thuộc thẩm quyền;

- Giám sát và theo dõi những thay đổi so với kế hoạch (về tiến độ thực hiện, về tình hình đấu thầu, giải ngân, đền bù – tái định cư, môi trường) của dự án;

- Báo cáo và đề xuất các phương án xử lý các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền của cơ quan chủ quản để các cơ quan có liên quan kịp thời ra các quyết định giải quyết các vướng mắc trong thực hiện dự án;

- Xây dựng và tổ chức hệ thống thông tin, các quy định theo dõi và quản lý dự án trong phạm vi quản lý của cơ quan chủ quản;

- Bảo đảm các nguồn lực cần thiết (cán bộ, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật và các vấn đề có liên quan khác) cho hoạt động theo dõi dự án tại UBND tỉnh. Hỗ trợ và tăng cường năng lực theo dõi dự án cho Ban QLDA.

- Tổ chức kiểm tra ít nhất mỗi năm một lần tình hình thực hiện dự án và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ.

4.2.Ban quản lý dự án:

Chịu trách nhiệm về tiến độ, khối lượng, chất lượng, chi phí cho việc thực hiện và những thay đổi của dự án;

Theo dõi, cập nhật tình hình quản lý dự án, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam và quy định của WB. Chuẩn bị nội dung và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác giám sát định kỳ hàng năm của UBND tỉnh và WB.

Theo dõi, cập nhật tình hình xử lý, phản hồi thông tin: Tình hình bảo đảm thông tin báo cáo, tình hình xử lý thông tin báo cáo, tình hình và kết quả giải quyết khó khăn, vướng mắc của chủ dự án, cơ quan chủ quản, các cơ quan có thẩm quyền và nhà tài trợ.

4.3.Công tác đánh giá dự án:

Một hệ thống giám sát và đánh giá của dự án sẽ được Ban QLDA xây dựng và duy trì với sự trợ giúp của Tư vấn độc lập. Hệ thống tập trung vào việc theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện dự án, kết quả đầu ra, kết quả và tác động trên các Hợp phần dự án. Công tác đánh giá dự án được tiến hành bởi đoàn công tác của

WB, UBND tỉnh với sự hỗ trợ của các Tư vấn dự án. Các báo cáo giám sát và đánh giá do Ban QLDA lập sẽ phải được gửi tới WB, UBND tỉnh trước khi triển khai các đoàn đánh giá dự án.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, Ban QLDA sẽ tiến hành đánh giá theo các bước sau đây:

a. Đánh giá ban đầu: Đánh giá ban đầu phải được tiến hành ngay sau khi bắt đầu thực hiện Dự án. Việc đánh giá ban đầu sẽ do Ban QLDA với sự trợ giúp của tư vấn độc lập thực hiện. Đánh giá ban đầu tập trung vào việc xem xét tình hình thực tế của Dự án sau khi khởi động (công tác chuẩn bị, những vấn đề phát sinh, phương hướng giải quyết...).

b. Đánh giá định kỳ 6 tháng: UBND tỉnh và Đoàn công tác của WB sẽ cùng kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Dự án 6 tháng một lần, thông qua các đoàn kiểm tra, đánh giá hỗn hợp. Ban QLDA chịu trách nhiệm lập báo cáo tiến độ thực hiện toàn bộ Dự án trong 6 tháng và cả năm, chủ trì tổ chức tốt cho các đoàn kiểm tra, đánh giá hỗn hợp của UBND tỉnh và WB.

c. Đánh giá giữa kỳ: Đánh giá giữa kỳ do tư vấn độc lập tiến hành vào giữa thời gian thực hiện dự án (thường là 2- 3 năm kể từ khi dự án bắt đầu triển khai)

d. Đánh giá kết thúc dự án: Đánh giá kết thúc dự án do Ban QLDA thực hiện, có thể với sự hỗ trợ thông qua thuê chuyên gia cá nhân hoặc tổ chức tư vấn độc lập tiến hành 06 tháng trước khi kết thúc dự án và hoàn thành báo cáo cuối cùng chậm nhất trong vòng 04 tháng kể từ ngày kết thúc dự án được quy định tại văn kiện dự án. Ban QLDA sẽ gửi Báo cáo đánh giá kết thúc cho UBND tỉnh và WB trước khi triển khai Đoàn đánh giá hoàn thành dự án.

e. Đánh giá tác động: Đánh giá tác động do UBND tỉnh chủ trì, có thể với sự hỗ trợ thông qua thuê chuyên gia cá nhân hoặc tổ chức tư vấn độc lập thực hiện. Đánh giá tác động được tiến hành trong vòng 5 năm kể từ ngày đưa Dự án vào khai thác, sử dụng.

f. Đánh giá đột xuất: Đánh giá đột xuất được tiến hành trong những trường hợp có những vướng mắc, khó khăn, tác động phát sinh ngoài dự kiến trong quá trình thực hiện Dự án.

5. Khung kết quả của dự án:

Hệ thống giám sát và đánh giá dựa trên Khung Kết quả dự án toàn diện được thiết kế để đánh giá liệu dự án có đang được thực hiện theo đúng mục tiêu đề ra và có đạt được các kết quả như mong đợi. Đánh giá tiến độ dự án trong việc thực hiện các hoạt động của các hợp phần sẽ được đưa vào hệ thống giám sát và đánh giá một cách thường xuyên, đánh giá theo kỳ 6 tháng (tiến độ dự án). Ban QLDA hoàn toàn chịu trách nhiệm thu thập tất cả thông tin và dữ liệu liên quan cần thiết cho công tácgiám sát thực hiện dự án dựa trên khung kết quả nêu trên.

Khung Kết quả dự án cung cấp đầy đủ các chỉ số đóng vai trò như các tiêu

chí định lượng để đánh giá liệu một dự án đã đạt được những mục tiêu phát triển đề ra hay chưa. Một loạt các báo cáo giám sátdự án, báo cáo phân tích kinh tế xã hội, báo cáo điều tra các bên thụ hưởng (phân chia theo đối tượng người có thu nhập thấp, người dễ bị tổn thương và phụ nữ) thuộc khu vực dự án sẽ được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án (thiết lập cơ sở dữ liệu), thực hiện dự án, và kết thúc dự án*(Chi tiết Phụ lục 05).*

IV. KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN

1. Nguồn vốn WB:

- Thời gian giải ngân vốn vay WB từ năm 2020 đến tháng 6/2025.
- Kế hoạch vốn mỗi năm: Chi tiết theo Phụ lục 4.
- Kế hoạch đầu tư công trung hạn (2016-2020 và 2021-2025): Tổng số vốn bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 77,4 tỷ đồng (tương đương 3,44 triệu USD); giai đoạn 2021-2025 là 1.121,6 tỷ đồng (tương đương 49,85 triệu USD).

2. Vốn đối ứng:

- Đến nay, dự án đã được bố trí tổng số vốn đối ứng là 36,1 tỷ đồng.

- Kế hoạch vốn đối ứng mỗi năm giai đoạn 2020 - 2025: Chi tiết theo Phụ lục 4.

V. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với UBND tỉnh:

Để đảm bảo triển khai dự án đúng kế hoạch, Ban QLDA khu vực đề nghị UBND tỉnh quan tâm, bố trí nguồn vốn đối ứng đáp ứng theo kế hoạch thực hiện dự án. Đồng thời quan tâm chỉ đạo UBND huyện Tĩnh Gia và các sở, ngành liên quan khẩn trương thực hiện công tác GPMB đáp ứng kế hoạch thực hiện dự án.

2. Kiến nghị với Ngân hàng Thế giới:

Đề nghị WB tiếp tục quan tâm hướng dẫn, tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ Ban quản lý dự án, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về các quy trình, thủ tục thực hiện dự án theo quy định của WB.

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Kếhoạchthựchiệntổngthể.
- Phụ lục 2: Kếhoạchđấuthầu vốn WB.
- Phụ lục 3: Kế hoạch đấu thầu vốn đối ứng.
- Phụ lục 4: Kế hoạch vốn cho mỗi năm.
- Phụ lục 5: Khung kếtquả.
- Phụ lục 6: Kế hoạch GPMB.

BẢNG TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP CÁC ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC TIỂU DỰ ÁN ĐÔ THỊ TĨNH GIA TỈNH THANH HÓA

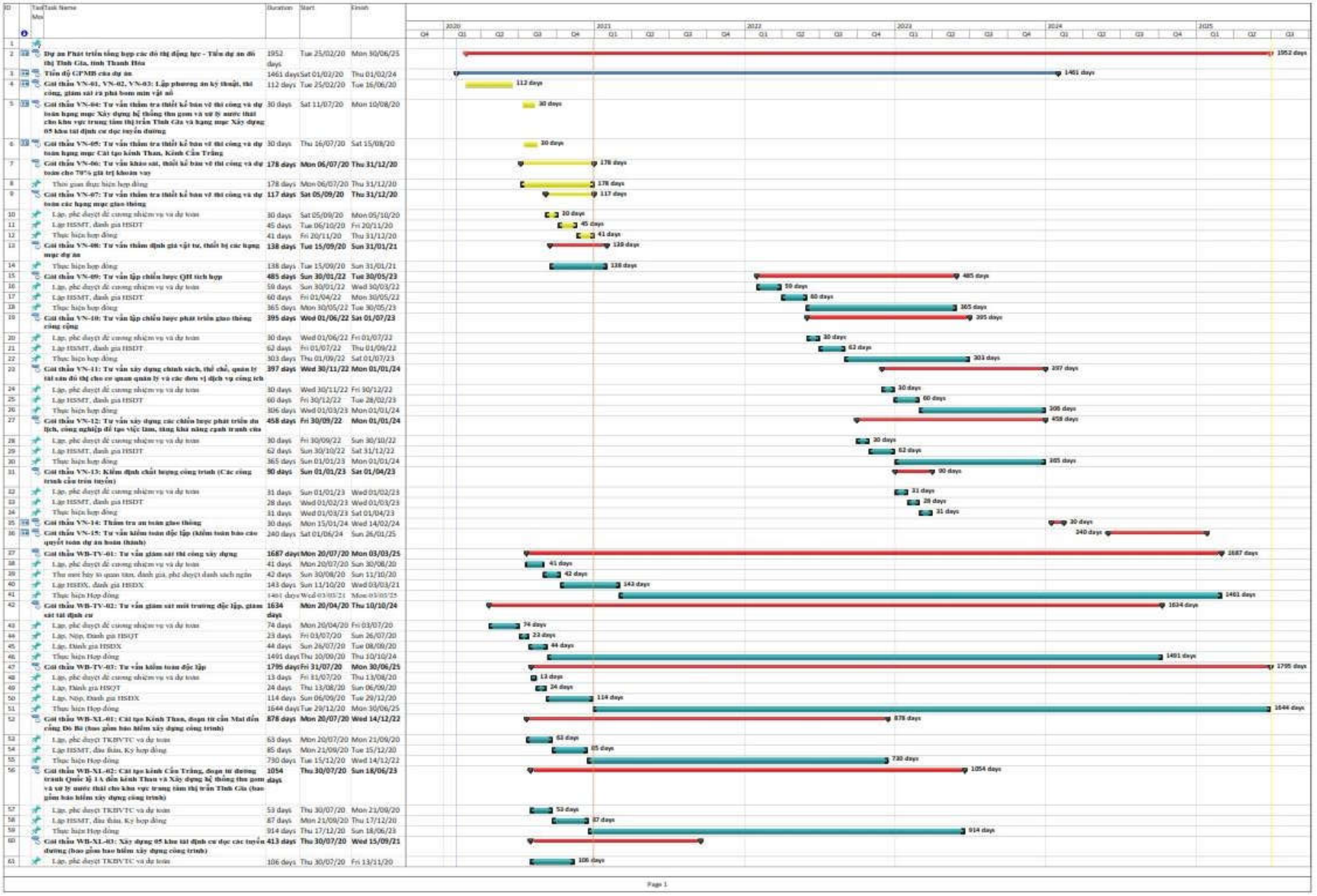

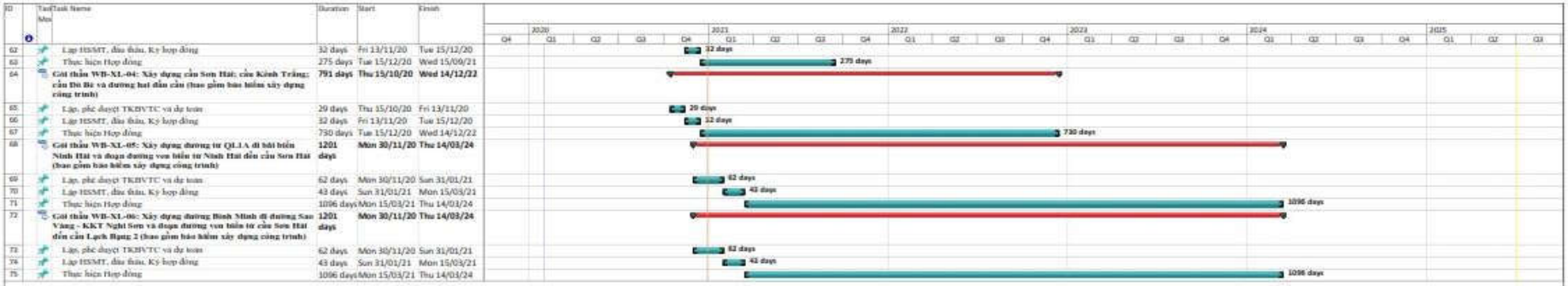

ID	Task Mode	Task Name	Duration	Start	Finish
62		Lập HSMT, đấu thầu, Ký hợp đồng	32 days	Fri 13/11/20	Tue 15/12/20
63		Thực hiện Hợp đồng	275 days	Tue 15/12/20	Wed 15/09/21
64		**Gói thầu WB-XL-04: Xây dựng cầu Sơn Hải; cầu Kênh Trăng; cầu Đá Bạc và đường hai đầu cầu (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)**	**791 days**	**Thu 15/10/20**	**Wed 14/12/22**
65		Lập, phê duyệt TKBVTC và dự toán	29 days	Thu 15/10/20	Fri 13/11/20
66		Lập HSMT, đấu thầu, Ký hợp đồng	32 days	Fri 13/11/20	Tue 15/12/20
67		Thực hiện Hợp đồng	730 days	Tue 15/12/20	Wed 14/12/22
68		**Gói thầu WB-XL-05: Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)**	**1201 days**	**Mon 30/11/20**	**Thu 14/03/24**
69		Lập, phê duyệt TKBVTC và dự toán	62 days	Mon 30/11/20	Sun 31/01/21
70		Lập HSMT, đấu thầu, Ký hợp đồng	43 days	Sun 31/01/21	Mon 15/03/21
71		Thực hiện Hợp đồng	1096 days	Mon 15/03/21	Thu 14/03/24
72		**Gói thầu WB-XL-06: Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2 (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)**	**1201 days**	**Mon 30/11/20**	**Thu 14/03/24**
73		Lập, phê duyệt TKBVTC và dự toán	62 days	Mon 30/11/20	Sun 31/01/21
74		Lập HSMT, đấu thầu, Ký hợp đồng	43 days	Sun 31/01/21	Mon 15/03/21
75		Thực hiện Hợp đồng	1096 days	Mon 15/03/21	Thu 14/03/24

PHỤ LỤC02: KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU NGUỒN VỐN VAY WB

STT	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá trị (Triệu đồng)			Lựa chọn đấu thầu	Sơ tuyển (Có/ Không)	Ưu đãi trong nước (Có/ Không)	Xem xét bởi WB (Trước/ Sau)	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng
			Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng						
I		**Dịch vụ tư vấn**	**44.079**	**4.408**	**48.487**						
1	WB-TV-01	Giám sát thi công xây dựng	34.049	3.405	37.453	QCBS, quốc tế	Không	Không	Trước	8/2020	02/2021
2	WB-TV-02	Giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư	5.705	570	6.275	CQS, Trong nước	Không	Không	Sau		Đã ký HĐ
3	WB-TV-03	Kiểm toán độc lập	4.326	432	4.758	CQS, Trong nước	Không	Không	Sau		Đã ký HĐ
II		**Xây lắp**	**1.154.882**	**120.360**	**1.275.242**						
4	WB-XL-01	Cải tạo Kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	132.528	13.812	146.340	RFB, Trong nước	Không	Không	Trước		Đã ký HĐ
5	WB-XL-02	Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	166.749	17.378	184.127	RFB, Trong nước	Không	Không	Trước		Đã ký HĐ

STT	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá trị (Triệu đồng)			Lựa chọn đấu thầu	Sơ tuyển (Có/ Không)	Ưu đãi trong nước (Có/ Không)	Xem xét bởi WB (Trước/ Sau)	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng
			Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng						
6	WB-XL-03	Xây dựng 05 Khu TĐC dọc các tuyến đường (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	37.798	3.939	41.738	RFB, Trong nước	Không	Không	Sau		Đã ký HĐ
7	WB-XL-04	Xây dựng cầu Sơn Hải; cầu Kênh Trắng; cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	94.126	9.810	103.935	RFB, Trong nước	Không	Không	Sau		Đã ký HĐ
8	WB-XL-05	Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	398.103	41.490	439.593	RFB, Trong nước	Không	Không	Trước	01/2021	4/2021
9	WB-XL-06	Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2 (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	325.578	33.931	359.509	RFB, National	Không	Không	Trước	01/2021	4/2021

PHỤ LỤC03: KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU VỐN ĐỐI ỨNG

STT	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá gói thầu (Triệu đồng)	Hình thức và phương thức LCNT	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng	Ghi chú
0	VN-01	Lập phương án kỹ thuật thi công rà phá bom mìn, vật nổ	120.00	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
2	VN-02	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	4.791,00	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
3	VN-03	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	123,00	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
4	VN-04	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia và hạng mục Xây dựng 05 khu tái định cư dọc tuyến đường	89,74	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
5	VN-05	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Cải tạo kênh Than, Kênh Cầu Trắng	381,20	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
6	VN-06	Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho 70% giá trị khoản vay	12.728,05	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ			Đã trao hợp đồng

STT	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá gói thầu (Triệu đồng)	Hình thức và phương thức LCNT	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng	Ghi chú
7	VN-07	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục giao thông	893,03	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ			Đã trao hợp đồng
8	VN-08	Tư vấn thẩm định giá vật tư, thiết bị các hạng mục dự án	605,00	Chỉ định thầu rút gọn			Đã trao hợp đồng
9	VN-09	Tư vấn lập chiến lược quy hoạch tích hợp	7.425,00	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ	4/2022	6/2022	
10	VN-10	Tư vấn lập chiến lược phát triển giao thông công cộng	4.950,00	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ	7/2022	9/2022	
11	VN-11	Tư vấn xây dựng chính sách, thể chế, quản lý tài sản đô thị cho cơ quan quản lý và các đơn vị dịch vụ công ích	4.455,00	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ	01/2023	03/2023	
12	VN-12	Tư vấn xây dựng các chiến lược phát triển du lịch, công nghiệp để tạo việc làm, tăng khả năng cạnh tranh của đô thị	6.187,50	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ	10/2022	12/2022	

STT	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá gói thầu (Triệu đồng)	Hình thức và phương thức LCNT	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng	Ghi chú
13	VN-13	Kiểm định chất lượng công trình (Các công trình cầu trên tuyến)	1.500,00	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 2 túi hồ sơ	01/2023	3/2023	
14	VN-14	Thẩm tra an toàn giao thông	400,00	Chỉ định thầu rút gọn	01/2024	02/2024	
15	VN-15	Tư vấn kiểm toán độc lập (kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành)	1.988,00	Đấu thầu rộng rãi, một giai đoạn 02 túi hồ sơ	4/2024	5/2024	

PHỤLỤC4:KẾHOẠCHVỐN

Đơnvịtính:triệuđồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư			Tổng số vốn đã bố trí đến hết năm 2020			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB	Tổng số	Đối ứng	Vốn vay WB
	Tổng cộng	1,776,511	577,550	1,198,961	113,480	36,128	77,352	377,148	25,000	352,148	451,182	150,391	300,791	412,948	162,803	250,145	324,517	145,006	179,511	97,236	58,222	39,014
1	Chi phí xây dựng	1,275,242	120,360	1,154,882	79,890	4,000	75,890	351,785	10,000	341,785	324,290	34,017	290,272	273,452	33,609	239,843	196,228	25,321	170,907	49,597	13,412	36,185
2	Chi phí tư vấn	115,110	71,031	44,079	26,268	24,806	1,462	13,363	3,000	10,363	23,124	12,605	10,518	26,296	15,994	10,302	16,623	8,019	8,604	9,435	6,605	2,829
3	Chi phí quản lý dự án	13,606	13,606		2,800	2,800		-			2,759	2,759		2,759	2,759		2,759	2,759		2,529	2,529	
4	Chi phí bồi thường hỗ trợ và TĐC	262,126	262,126		3,500	3,500		12,000	12,000		80,000	80,000		88,626	88,626		78,000	78,000		-		
5	Chi khác	10,365	10,365		1,021	1,021		-			3,110	3,110		2,300	2,300		2,500	2,500		1,434	1,434	
6	Chi phí lãi vay	100,062	100,062					-	-		17,899	17,899		19,515	19,515		28,407	28,407		34,242	34,242	

PHỤ LỤC 05: KHUNG KẾT QUẢ DỰ ÁN

Mục tiêu của dự án phát triển (DPO):

Mục tiêu của dự án phát triển là cải thiện khả năng tiếp cận với các dịch vụ cơ sở hạ tầng đô thị, nâng cao khả năng lập quy hoạch và quản lý đô thị tích hợp tại các thành phố của dự án.

Mức độ chỉ số kết quả DPO	Cốt lõi	Đơn vị đo lường	Chỉ số cơ sở	Giá trị mục tiêu tích lũy					Mô tả (Định nghĩa về chỉ số… vv)
				2021	2022	2023	2024	2025	
Kiểm soát lũ Các biện pháp can thiệp đối với khu vực dễ bị lũ lụt		ha	159,50	159,50	159,50	24,30	0,00	0,00	Diện tích (ha) có nguy cơ bị ngập lụt trong các khu vực thuộc phạm vi quy mô đầu tư dự án trong thời gian 10 năm trở lại theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế của nhà nước
Số người được hưởng lợi từ hệ thống thoát nước được nâng cấp trong khu vực thuộc phạm vi can thiệp dự án		Người	0	0	0	17.704	45.264	45.264	Số người được bảo vệ khỏi ngập lụt trong các khu vực thuộc phạm vi quy mô đầu tư dự án trong thời 10 năm gian trở lại theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế của nhà nước
Trong đó nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Vệ sinh môi trường đô thị Người được tiếp cận với các điều kiện vệ sinh môi trường được cải thiện của dự án		Người	0	0	0	0	3.900	4.400	Số người được tiếp cận với các điều kiện vệ sinh môi trường được cải thiện từ các khoản đầu tư của dự án (bao gồm cả các kết nối cho

									các nhà máy xử lý nước thải mới hoặc nâng cấp
Trong đó nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Giao thông đô thị Số người tiếp cận với các tuyến đường xây dựng mới hoặc nâng cấp của dự án		Người	0	0	0	0	20.900	53.700	Số người, trong đó người sử dụng phương tiện có động cơ và không có động cơ, số người đấu nối với các tuyến đường mới hoặc nâng cấp trong phạm vi 500 mét từ hạng mục đấu tư dự án
Trong đó nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Người dùng hài lòng với những con đường mới hoặc nâng câp của dự án		Phần trăm	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	80,0%	80,0%	Tỷ lệ người dùng bày tỏ sự hài lòng với những con đường mới hoặc nâng cấp của dự án dựa trên các cuộc khảo sát người thụ hưởng
Trong đó nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*80,0%*	*80,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*80,0%*	*80,0%*	
Không gian công cộng Số người tiếp cận với các không gian công cộng xây dựng mới hoặc nâng cấp sữa chữa		Người	0	0	0	0	20.900	53.700	Số người tiếp cận với các không gian công cộng xây dựng mới hoặc nâng cấp sữa chữa trong phạm vi 500 mét tính từ hạng mục đầu tư của dự án
Trong đó nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	

Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Người dùng hài lòng với không gian công cộng mới hoặc được nâng cấp		Phần trăm	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	80,0%	80,0%	Tỷ lệ người dân bày tỏ sự hài lòng với không gian công cộng mới hoặc nâng cấp thuộc dự án dựa trên các cuộc khảo sát người thụ hưởng
Người dùng nữ hài lòng		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*80,0%*	*80,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*80,0%*	*80,0%*	
Quy hoạch đô thị Lập Quy hoạch phát triển đô thị tổng hợp bao gồm cả các điều khoản về các dịch vụ chăm sóc trẻ		Số Quy hoạch	0	0	0	1	1	1	Số các chiến lược phát triển đô thị tổng hợp được lập
Thành phố với khả năng sống được cải thiện		Số thành phố	0	0	0	0	1	1	Số lượng các thành phố được cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ sở hạ tầng đô thị cơ bản (về kiểm soát lũ lụt, vệ sinh môi trường đô thị, giao thông đô thị và không gian công cộng) do đầu tư dự án
Người hưởng lợi trực tiếp từ dự án (Cốt lõi)		Người	0	0	0	17.700	39.700	67.500	Số người hưởng lợi trực tiếp được cải thiện điều kiện sống từ các dự án đầu tư vào kiểm soát lũ lụt, vệ sinh môi trường đô thị, giao thông đô thị và không gian công cộng
Trong đó Nữ hưởng lợi (bổ sung thêm vào thành phần cốt lõi)		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Trong 40% phần dưới của người		*Phần trăm*	*0,0%*	*0,0%*	*0,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	

hưởng lợi									
Chỉ số kết quả trung gian	**Cốt lõi**	**Đơn vị đo lường**	**Chỉ số cơ sở**	**Giá trị mục tiêu tích lũy**					**Mô tả (Định nghĩa về chỉ số… vv)**
				2021	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	
Chiều dài cống được nâng cấp hoặc xây dựng mới		km	0	0,00	0,00	4,00	10,00	76,00	Số Km hoàn thành và đưa vào hoạt động thông qua các hạng mục đầu tư dự án
Chiều dài của đường ống nước thải được lắp đặt		km	0	0,00	0,00	0,00	5,50	5,50	Km hoàn thành và đưa vào hoạt động thông qua hạng mục đầu tư dự án
Công suất xử lý nước thải bổ sung		m3/ ngày	0	0	0	0	600	600	Khối lượng nước thải bổ sung m3 / ngày được gom hoặc xử lý thông qua hạng mục đầu tu của dự án
Hộ gia đình kết nối với hệ thống xử lý nước thải mới hoặc nâng cấp		Hộ	0	0	0	0	980	1.100	Số hộ kết nối với hệ thống xử lý nước thải mới hoặc nâng cấp thông qua hạng mục đầu tư của dự án
Chiều dài của đường và cầu xây dựng mới hoặc nâng cấp Khu vực phi nông thôn (vùng lõi)		km	0	0,00	0,00	0,00	0,49	13,70	Chiều dài các tuyến đường xây mới hoặc nâng cấp được đưa vào khai thác vận hành thông qua hạng mục đầu tư của dự án
Diện tích không gian công cộng có thể đi lại được xây mới hoặc nâng cấp		Mét vuông	0	0	0	0	490	131.690	Số mét vuông không gian công cộng xây mới hoặc nâng cấp thông qua hạng mục đầu tư của dự án (bao gồm thiết kế lối đi dọc tuyến đường, cầu, kênh và đường thủy)

Số người hưởng lợi tham gia vào tham vấn cho công tác lập kế hoạch/ thực hiện / đánh giá		Người	0	400	600	600	600	600	Số người hưởng lợi tham gia vào các hoạt động tham vấn tiến hành trong các gian đoạn lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các nội dung đầu tư của dự án.
Trong đó Nữ hưởng lợi		*Phần trăm*	*0*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Trong 40% phần dưới của người hưởng lợi		*Phần trăm*	*0*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	*50,0%*	
Các đợt tham vấn và hoạt động đào tạo tập huấn của các bên liên quan trong kế hoạch phát triển đô thị tổng hợp		Đợt	0	4	6	8	10	12	Số đợt tham vấn và hoạt động đào tạo tập huấn của các bên liên quan trong kế hoạch phát triển đô thị tổng hợp (bao gồm cả lập quy hoạch đô thị và chiến lược phát triển giao thông công cộng)
Kế hoạch quản lý tài sản đô thị đã được phê duyệt với ngân sách hàng năm được duyệt để vận hành và bảo trì		Con số	0	0	0	1	2	3	Số kế hoạch vận hành và quản lý toàn diện, bền vững được lập, thông qua và thực hiện bởi TP với nguồn ngân sách đã được phê duyệt
Sự khác biệt trung bình về thời gian dành cho phụ nữ địa phương so với đàn ông địa phương trong việc chăm sóc trẻ em từ 3-72 tháng tuổi		Phần trăm	51,0	51,0	51,0	51,0	51,0	30,0	Khoảng cách thời gian dành cho việc chăm sóc trẻ từ 3-72 tháng tuổi (tính theo tỷ lệ phần trăm) giữa những bà mẹ có thể gửi con đến các trường mầm non công lập mới hoặc nâng cấp và chồng của họ

PHỤLỤC06: KẾ HOẠCH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

STT	Tên gói thầu/hợp phần/tiểu dự án	Thông báo chủ trương thực hiện công tác GPMB		Kiểm đếm		Phê duyệt phương án bồi thường		Trả bồi thường		Di dời và bàn giao mặt bằng		Ngày khởi công thực hiện dự án	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc	Trình nộp	Phê duyệt	Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc			
1	Cải tạo Kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè	6/2020	8/2020	7/2020	4/2022	9/2020	6/2022	11/2020	7/2022	12/2020	9/2022	01/2021	01/2023	
2	Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấnTĩnh Gia	6/2020	8/2020	7/2020	5/2022	9/2020	10/2022	11/2020	12/2022	12/2020	3/2022	01/2021	7/2023	
3	Xây dựng 05 khu Tái định cư dọc các tuyến đường	2/2020	6/2020	3/2020	3/2021	6/2020	3/2021	8/2020	3/2021	9/2020	4/2021	01/2021	09/2021	
4	Xây dựng cầu Sơn Hải; cầu Kênh Trắng; Cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu	8/2020	10/2020	11/2020	8/2022	12/2021	10/2022	12/2020	12/2022	01/2021	02/2023	01/2021	01/2023	
5	Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải	6/2020	8/2020	9/2020	5/2023	01/2021	8/2023	02/2021	12/2023	3/2021	02/2024	4/2021	4/2024	
6	Xây dựng đường Bình Minh đi Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2	10/2020	12/2020	01/2021	6/2023	01/2021	8/2023	02/2021	12/2023	3/2021	02/2024	4/2021	4/2024	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2021
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP CÁC ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC
TIỂU DỰ ÁN ĐÔ THỊ TĨNH GIA – TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện Hợp phần 1- Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Các gói thầu xây dựng công trình thuộc Hợp phần 1 đang thực hiện bước lập hồ sơ thiết kế chi tiết và lựa chọn nhà thầu xây dựng, cụ thể như sau:

a) Công tác lập thiết kế chi tiết và dự toán:

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán của các công trình: Cải tạo kênh Than, Cải tạo kênh Cầu Trắng; Xây dựng các khu tái định cư; Hệ thống thu gom và xử lý nước thải; Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu.

- Đơn vị tư vấn đã hoàn thành lập thiết kế chi tiết và dự toán của các công trình còn lại, bao gồm: Xây dựng đường ven biển đoạn từ Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2; Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng – Khu kinh tế Nghi Sơn; Xây dựng đường từ QL1A đi biển Ninh Hải và trình đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ trước khi trình thẩm định và phê duyệt.

b) Công tác mua sắm đấu thầu:

Ban QLDA khu vực đang tổ chức lựa chọn nhà thầu 04 gói thầu xây lắp, bao gồm: WB-XL-01 - Cải tạo kênh Than; WB-XL-02 – Cải tạo kênh Cầu Trắng và xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải; WB-XL-03- Xây dựng các khu tái định cư; WB-XL-04- Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu. Dự kiến sẽ trao hợp đồng cho nhà thầu trong tháng 12/2020.

2. Tình hình thực hiện Hợp phần 2 - Giải pháp phi kết cấu – Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện dự án:

a) Các gói thầu sử dụng vốn đối ứng:

- Ban QLDA khu vực và các nhà thầu đã hoàn thành 05 gói thầu sử dụng vốn đối ứng thuộc Hợp phần 2, bao gồm: VN-01- Lập phương án kỹ thuật thi công rà phá bom mìn, vật nổ; VN-02- Thi công rà phá bom mìn, vật nổ; VN-03- Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ; VN-04-Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia và hạng mục Xây dựng 05 khu tái định cư dọc tuyến đường; VN-05- Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Cải tạo kênh Than, Kênh Cầu Trắng.

- Đơn vị tư vấn đang triển khai thực hiện 02 gói thầu, bao gồm: VN-06-Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho 70% giá trị khoản vay; VN-07- Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục giao thông; VN-08- Tư vấn thẩm định giá vật tư, thiết bị các hạng mục dự án. Thời gian hoàn thành dự kiến trong tháng 12/2020.

b) Các gói thầu sử dụng vốn WB:

-Ban QLDA khu vực đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu WB-TV-02 – Tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư; Đồng thời, đang triển khai lựa chọn nhà thầu 02 gói thầu, gồm: WB-TV-01-Tư vấn giám sát thi công; WB-TV-03- Tư vấn kiểm toán độc lập.

3. Công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư:

Ban QLDA khu vực đã tích cực phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn để khẩn trương thực hiện công tác GPMB của dự án. Trong đó, ưu tiên thực hiện trước các hạng mục thực hiện trước tương đương 30% giá trị khoản vay. Đến nay, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- UBND tỉnh Thanh Hóa đã Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; UBND thị xã Nghi Sơn đã phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án.

- Ngày 10/4/2020, Ban QLDA khu vực đã tiếp nhận mặt bằng khu tái định cư Bình Minh từ Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp để đầu tư cải tạo nâng cấp phục vụ công tác GPMB dự án. UBND thị xã Nghi Sơn đã phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ của 03 khu tái định cư phường: Xuân Lâm, Nguyên Bình, Hải Hoà với tổng số tiền là 1,5 tỷ đồng, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư đang triển khai chi trả cho các hộ dân. Đồng thời, đã hoàn thành công tác kiểm kê hiện trạng tại khu tái định cư phường Ninh Hải; đang triển khai kiểm kê phần đất nông nghiệp các công trình: kênh Than, kênh Cầu Trắng.

- Trong 2 tháng cuối năm 2020, sẽ tập trung GPMB các hạng mục tái định cư và một phần đất nông nghiệp của các hạng mục kênh thoát nước với tổng diện tích khoảng 9,2ha bao gồm các hạng mục 4 khu tái định cư; 1,5Km kênh Cầu Trắng và 0,75Km kênh Than.

4. Bố trí vốn và tình hình giải ngân trong năm 2020:

a)Tình hình bố trí vốn:

Đến tháng 12/2020, dự án đã được bố trí tổng số vốn là 113,5 tỷ đồng, bao gồm: vốn đối ứng là 36,2 tỷ đồng, vốn vay WB là 77,3 tỷ đồng (tương đương 3,4 triệu USD).

Trong đó, năm 2020 dự án được bố trí 96,0 tỷ đồng; trong đó: vốn đối ứng là 18,7 tỷ đồng; vốn vay WB là 77,3 tỷ đồng (tương đương 3,4 triệu USD), bao gồm 46,3 tỷ đồng vốn cấp phát và 31 tỷ đồng vốn vay lại.

Số vốn được bố trí trong năm 2020 cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn dự án.

b)Tình hình giải ngân vốn năm 2020:

Đến tháng 11/2020, Ban QLDA khu vực đã giải ngân tổng số vốn đối ứng là 11,4 tỷ đồng; chưa giải ngân nguồn vốn vay WB.

Dự kiến trong năm 2020, Ban QLDA khu vực sẽ giải ngân 100% số vốn kế hoạch được giao trước ngày 31/12/2020, cụ thể:

- Vốn đối ứng: Kinh phí GPMB (2,3 tỷ đồng), thanh toán các hợp đồng tư vấn thiết kế, chi phí quản lý dự án (5,0tỷ đồng).

- Vốn vay WB:

+ Tạm ứng, thanh toán cho 02 gói thầu tư vấn, bao gồm: tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư; tư vấn kiểm toán độc lập (Tổng giá trị hợp đồng khoảng 7,5 tỷ đồng; giá trị thanh toán, tạm ứng khoảng 1,5 tỷ đồng, tương đương 20% giá trị hợp đồng).

+ Tạm ứng, thanh toán cho 04 gói thầu xây lắp, bao gồm: Xây dựng các khu tái định cư; Nâng cấp, cải tạo kênh Than; Nâng cấp, cải tạo kênh Cầu Trắng và xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; Xây dựng cầu Đò Bè, cầu Kênh Trắng, cầu Sơn Hải với giá trị tạm ứng khoảng 76 tỷ đồng, tương đương khoảng 20% giá trị hợp đồng.

5. Về công tác bảo vệ môi trường và các vấn đề xã hội:

- Ban QLDA đã lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư và huy động đơn vị tư vấn từ tháng 10/2020. Đơn vị tư vấn đã hoàn thành báo cáo đầu kỳ gửi WB.

- Hiện nay dự án chưa có hoạt động triển khai thi công tại hiện trường nên chưa có tác động về môi trường, xã hội.

II. CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Kết quả đầu ra và các chỉ số

- Chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và kết quả đạt được cùng với các chỉ số có liên quan trong giai đoạn được nêu dựa trên chuỗi kết quả và khung kết quả: trong năm 2020 chưa triển khai các gói thầu xây lắp thuộc Hợp phần 1 và các gói thầu tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thuộc Hợp phần 2 nên chưa thực hiện đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2021

1. Kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư:

- UBND thị xã Nghi Sơn và Ban QLDA khu vực đang phối hợp rà soát, cập nhật lại dự toán tổng thể GPMB của dự án theo đơn giá thời điểm hiện tại làm cơ sở xem xét việc trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án (nếu cần thiết).

- Trong năm 2021 sẽ tập trung GPMB xong phần đất nông nghiệp của tất cả các công trình, đồng thời cơ bản bàn giao xong mặt bằng cho các công trình: Cải tạo kênh Than; Cải tạo kênh Cầu Trắng; Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải; Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè.

(Chi tiết theo Phụ lục 02)

- Hoàn thành thi công các khu tái định cư để bàn giao đất cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án.

2. Kế hoạch mua sắm đấu thầu:

Trong năm 2021, Ban QLDA khu vực sẽ tiếp tục triển khai các bước tiếp theo của công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu WB-TV-01-Tư vấn giám sát thi công xây dựng, thời gian dự kiến hoàn thành trong tháng 02/2021. Đồng thời, sẽ tổ chức lựa chọn nhà thầu của 02 gói thầu xây lắp, bao gồm: WB-XL-05-Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hả; WB-XL-06-Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2 từ tháng 01/2021.

(Chi tiết theo Phụ lục 04)

3. Kế hoạch thực hiện Hợp phần 1- Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Các gói thầu xây lắp thuộc Hợp phần 1 sẽ khởi công thi công từ tháng 01/2021, bao gồm:WB-XL-01- Cải tạo Kênh Than; WB-XL-02- Cải tạo kênh Cầu Trắng và Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải; WB-XL-03- Xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường; WB-XL-04 - Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu.

- Các gói thầu xây lắp còn lại sẽ khởi công thi công từ tháng 4/2021, bao gồm: WB-XL-05- Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải; WB-XL-06- Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2.

- Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021, các nhà thầu thi công của 04 gói thầu sẽ triển khai các công tác xây dựng lán trại, huy động máy móc thiết bị và bắt đầu triển khai thi công. Do gói thầu WB-TV-01 – Tư vấn giám sát thi công sẽ hoàn thành lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng vào cuối tháng 02/2021, tư vấn sẽ được huy động từ tháng 03/2021 nên nhiệm vụ giám sát thi công các gói thầu nêu trên trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021 sẽ do Ban QLDA khu vực thực hiện.

4. Kế hoạch thực hiện Hợp phần 2 - Giải pháp phi kết cấu - Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện dự án:

a) Đối với các gói thầu sử dụng vốn đối ứng:

- Ban QLDA khu vực sẽ lập Điều khoản tham chiếu và dự toán các gói thầu hỗ trợ kỹ thuật thuộc Hợp phần 2 trong quý IV năm 2021, bao gồm: VN-09-Tư vấn lập chiến lược QH tích hợp; VN-10- Tư vấn lập chiến lược phát triển giao thông công cộng; VN-11- Tư vấn xây dựng chính sách, thể chế, quản lý tài sản đô thị cho cơ quan quản lý và các đơn vị dịch vụ công ích; VN-12-

Tư vấn xây dựng các chiến lược phát triển du lịch, công nghiệp để tạo việc làm, tăng khả năng cạnh tranh của đô thị.

b) Đối với các gói thầu sử dụng vốn WB:

Ban QLDA khu vực sẽ huy động các nhà thầu: Tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư; Tư vấn kiểm toán độc lập theo kế hoạch thực hiện quy định trong hợp đồng. Đối với nhà thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng sẽ được huy động từ tháng 3/2021.

(Chi tiết theo Phụ lục 1)

IV. KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN CỦA NĂM 2021

- Khối lượng dự kiến năm 2021: *Chi tiết theo Phụ lục 3*.

- Đề xuất phân bổ cho mỗi nguồn tài chính:

+ Kế hoạch vốn năm 2021: Tổng nhu cầu vốn thực hiện trong năm 2021 là khoảng 377.148 tỷ đồng; trong đó vốn vay WB là 352,1tỷ đồng (tương đương 15,7 triệu USD) và vốn đối ứng là 25,0 tỷ đồng.

+ Kế hoạch giải ngân năm 2021: Chi tiết kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn đối ứng; vốn WB theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung	Năm 2021					
		Tổng số		Đối ứng		Vốn WB	
		Triệu VNĐ	Nghìn USD	Triệu VNĐ	Nghìn USD	Triệu VNĐ	Nghìn USD
1	Chi phí xây dựng	351.784	15.635	10.000	444	341.784	15.190
2	Chi phí tư vấn	13.363	594	3.000	133	10.363	461
3	Chi phí quản lý dự án						
4	Chi phí bồi thường hỗ trợ và TĐC	12.000	533	12.000	533		
5	Chi khác						
6	Chi phí tài chính (lãi, phí)						
Tổng cộng		**377.148**	**16.762**	**25.000**	**1.111**	**352.148**	**15.651**

V. TUÂN THỦ CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN

- Kế hoạch tuân thủ an toàn xã hội: Ban QLDA khu vực đã giao nhiệm vụ cho cán bộ có chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác quản lý môi trường, xã hội của dự án. Đơn vị tư vấn giám sát tái định cư sẽ thực hiện giám sát định kỳ đợt 1 dự kiến triển khai trong tháng 02/2021. Các đợt kế tiếp sẽ dự kiến thực hiện vào các thời điểm tháng 5 và tháng 11 hàng năm. Lịch trình này có thể sẽ được điều chỉnh phụ thuộc vào tiến độ triển khai dự án. Các báo cáo giám sát sẽ được cán bộ quản lý về môi trường, xã hội của Ban QLDA khu vực xem xét trước khi đệ trình cho WB xem xét và chấp thuận.

- Giới, dòng lao động: Đơn vị tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư sẽ thực hiện giám sát những rủi ro xã hội do dòng lao động gây ra cho cộng đồng xung quanh khu vực dự án. Đồng thời, tư vấn sẽ tổ chức đào tạo cho công nhân nhà thầu, Ban QLDA, cộng đồng địa phương các kiến thức cơ bản về an toàn lao độngvà sức khỏe cộng đồng, lạm dụng và quấy rối tình dục, bạo lực giới, bao gồm cả các cách thức giao tiếp, cơ chế khiếu kiện khiếu nại (GRM), các vấn đề xã hội khác liên quan đến HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác, tác động và các biện pháp giảm nhẹ.

- Kế hoạch quản lý các chính sách tuân thủ an toàn môi trường:

+ Trước khi khởi công thi công xây dựng công trình, nhà thầu xây lắp sẽ phải lập Kế hoạch tuân thủ ESMP và đệ trình cho Ban QLDA khu vực phê duyệt.

+ Đơn vị tư vấn giám sát môi trường độc lập sẽ tổ chức đào tạo và hướng dẫn nhân sự trong khi thực hiện ESMP và yêu cầu ESHS cho Ban QLDA khu vực, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công, Chính quyền địa phương, Ban giám sát cộng đồng, đại diện cộng đồng...trước khi nhà thầu xây lắp khởi công thi công xây dựng công trình. Thời gian dự kiến sẽ tổ chức đào tạo vào tháng 01/2021.

+ Đơn vị tư vấn giám sát môi trường độc lập sẽ thực hiện giám định kỳ đợt 1 dự kiến triển khai trong tháng 02/2021. Các đợt kế tiếp sẽ dự kiến thực hiện vào các thời điểm tháng 5 và tháng 11 hàng năm. Lịch trình này có thể sẽ được điều chỉnh phụ thuộc vào tiến độ triển khai dự án. Các báo cáo giám sát sẽ được cán bộ quản lý về môi trường, xã hội của Ban QLDA khu vực xem xét trước khi đệ trình cho WB xem xét và chấp thuận. Đồng thời, định kỳ 03 tháng/lần, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành lấy mẫu quan trắc môi trường, lập báo cáo gửi Ban QLDA khu vực và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

+ Chuyên gia môi trường của đơn vị tư vấn giám sát thi công sẽ được huy động để giám sát thực hiện ESMP và ESHS của Nhà thầu trong quá trình thi công.

VI. RỦI RO TIỀM TÀNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

1. Những rủi ro và mối giả định chính cho giai đoạn lập kế hoạch:

- Để có mặt bằng bàn giao cho nhà thầu triển khai thi công các công trình của dự án theo đúng tiến độ, UBND thị xã Nghi Sơn cần triển khai ngay công tác GPMB. Tuy nhiên, dự kiến các khu tái định cư của dự án sẽ hoàn thành bàn giao vào tháng 09/2021.Tổng kinh phí GPMB của dự án được lập trong giai đoạn 2017-2018, vì vậy kinh phí này có thể không phù hợp với tình hình hiện tại do thay đổi về đơn giá đền bù.

- Ban QLDA khu vực đã rà soát và đề xuất nhu cầu vốn cho dự án trong giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng tiến độ (trước ngày 30/6/2025). Tuy nhiên, đến nay kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh chưa được HĐND tỉnh Thanh Hóa thống nhất nên chưa xác định được cụ thể số vốn bố trí cho dự án trong giai đoạn 2021-2025.

- Các gói thầu xây lắp: WB-XL-01- Cải tạo Kênh Than; WB-XL-02- Cải tạo kênh Cầu Trắng và Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải; WB-XL-03- Xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường; WB-XL-04 - Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu sẽ hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng trong tháng 12/2020, tuy nhiên gói thầu WB-TV-01–Tư vấn giám sát thi công xây dựng sẽ chỉ hoàn thành lựa chọn nhà thầu và trao hợp đồng trong tháng 2/2021. Vì vậy, 04 gói thầu xây lắp nêu trên sẽ chưa đủ điều kiện khởi công thi công cho đến tháng 3/2021.

- Dự kiến 04 gói thầu xây lắp sẽ khởi công thi công trong quý I năm 2021, 02 gói thầu xây lắp còn lại sẽ khởi công từ quý II năm 2021; Bên cạnh đó, nhu cầu vốn đối ứng cho công tác GPMB trong năm 2021 là rất lớn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định được cụ thể nguồn vốn đối ứng bố trí trong năm 2021 dành cho công tác GPMB để UBND TX Nghi Sơn có cơ sở triển khai thực hiện.

2. Các biện pháp ứng phó rủi ro trong giai đoạn lập kế hoạch:

- Ban QLDA khu vực cần phối hợp với UBND thị xã Nghi Sơn để rà soát, tính toán lại tổng kinh phí GPMB cho phù hợp với tình hình hiện tại. Đồng thời, phải khẩn trương tham mưu cho UBND tỉnh trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu cần thiết).

- Ban QLDA khu vực cần quản lý chặt chẽ tiến độ thực hiện các gói thầu để đảm bảo việc hoàn thành và bàn giao các khu tái định cư theo đúng kế hoạch.

- Ban QLDA khu vực cầnphối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp nhu cầu vốn cho dự án trong giai đoạn 2021-2025, báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí đủ vốn cho dự án.

- Ban QLDA khu vực cần xây dựng kế hoạch giám sát các hoạt động thi công xây dựng của các gói thầu xây lắp trong khoảng 3 tháng đầu năm 2021 cho đến khi đơn vị tư vấn giám sát được huy động.

VII. KHUYẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với UBND tỉnh và các sở, ngành:

- Đề nghị UBND tỉnh bố trí đủ số vốn cho dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để thực hiện dự án.

- Đề nghị UBND thị xã Nghi Sơn khẩn trương thực hiện công tác GPMB đáp ứng kế hoạch đã cam kết.

- Đề nghị Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và các đơn vị có liên quan hỗ trợ Ban QLDA khu vực trong quá trình lập, thẩm định điều khoản tham chiếu (TOR) và dự toán của các gói thầu tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thuộc Hợp phần 2 của dự án; rút ngắn thời gian thẩm định các hồ sơ dự án.

2.Kiến nghị với Ngân hàng Thế giới:

- Đề nghị WB chấp thuận cho Ban QLDA khu vực thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công của các gói thầu xây lắp từ tháng 01/2021 cho đến khi nhân sự tư vấn giám sát được huy động.

- Đề nghị WB tiếp tục quan tâm hướng dẫn, tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ Ban quản lý dự án, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về các quy trình, thủ tục thực hiện dự án theo quy định của WB.

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Kế hoạch thực hiện năm 2021.
- Phụ lục 2: Kế hoạch giải phóng mặt bằng năm 2021.
- Phụ lục 3: Kế hoạch vốn cho năm 2021.
- Phụ lục 4: Kế hoạch đấu thầu vốn WB năm 2021.
- Phụ lục 5: Khung kết quả năm 2021.

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ CHI TIẾT NĂM 2021

Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên gói thầu	Năm	2020		2021											
		Tháng	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**THỰC HIỆN HỢP PHẦN 1**															
1.1	***Gói thầu WB-XL-01: Cải tạo kênh Than đoạn từ Cầu Mai đến cảng Đò Bè***															
1	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	15/12/2020														
2	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	17/12/2020-31/12/2020														
3	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	01/01/2021-10/01/2021														
4	Thi công xây dựng công trình	Từ ngày 11/01/2021														
1.2	***Gói thầu WB-XL-02: Cải tạo kênh Cầu Trắng và xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải***															
1	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	20/12/2020														
2	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	21/12/2020-31/12/2020														
3	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	01/01/2021-10/01/2021														
4	Thi công xây dựng công trình	Từ ngày 11/01/2021														
1.3	***Gói thầu WB-XL-03: Xây dựng 05 khu tái định cư***	15/12/2020-30/9/2021														
1	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	15/12/2020														
2	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	17/12/2020-31/12/2020														
3	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	01/01/2021-10/01/2021														
4	Thi công các Khu Tái Định Cư	11/01/2021-20/9/2021														
5	Nghiệm thu hoàn thành, bàn giao công trình	21/9/2021-30/9/2021														
1.4	***Gói thầu WB-XL-04: Xây dựng cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trăng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu***															
1	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	15/12/2020														
2	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	17/12/2020-31/12/2020														
3	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	01/01/2021-10/01/2021														
4	Thi công xây dựng công trình	Từ ngày 11/01/2021														
1.5	***Gói thầu WB-XL-05: Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải***															
1	Lập hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán	31/12/2020														
2	Thẩm định và phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán	01/01/2021-15/01/2021														
3	Lập HSMT	16/01/2021-31/01/2021														
4	Phát hành HSMT	01/02/2021-22/02/2021														
5	Đánh giá HSDT	23/02/2021-10/3/2021														

STT	Tên gói thầu	Năm	2020		2021											
		Tháng	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11/3/2021-25/3/2021														
7	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	01/4/2021-10/4/2021														
8	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	11/4/2021-30/4/2021														
9	Thi công xây dựng công trình	Từ ngày 11/01/2021														
1.6	***Gói thầu WB-XL-06: Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sao Hải đến cảng Lạch Bạng 2***															
1	Lập hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán	31/12/2020														
2	Thẩm định và phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán	01/01/2021-14/01/2021														
3	Lập HSMT	16/01/2021-31/01/2021														
4	Phát hành HSMT	01/02/2021-22/02/2021														
5	Đánh giá HSDT	23/02/2021-10/3/2021														
6	Trao hợp đồng và nhận bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11/3/2021-25/3/2021														
7	Lập tiến độ thi công chi tiết; biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công	01/4/2021-10/4/2021														
8	Xây dựng hàng rào, lán trại, tập kết máy móc, nhân lực;	11/4/2021-30/4/2021														
9	Thi công xây dựng công trình	Từ ngày 11/01/2021														
II	**THỰC HIỆN HỢP PHẦN 2**															
II.1	***Gói thầu WB-TV-01: Tư vấn giám sát thi công xây dựng***															
1	Lập danh sách ngắn (đã hoàn thành)															
2	Mời nộp hồ sơ đề xuất (đã hoàn thành)															
3	Đánh giá Hồ sơ đề xuất	10/12/2020-10/01/2021														
	Mở đề xuất kỹ thuật	10/12/2020														
	Đánh giá đề xuất kỹ thuật	10/12/2020-03/01/2021														
	Thông báo cho Nhà thầu đáp ứng đề xuất kỹ thuật thời gian mở đề xuất tài chính	03/1/2021-12/01/2021														
	Mở và Đánh giá đề xuất tài chính, lập Báo cáo đánh giá tổng hợp	12/1/2021-20/01/2021														
	Đàm phán và dự thảo hợp đồng	21/01/2021-02/02/2021														
	Gửi Thông báo dự định trao thầu cho tư vấn thắng thầu và thời gian tạm hoãn	02/02/2021-14/02/2021														
4	Trao Hợp đồng															
	Trao hợp đồng và Thông báo cho WB về việc trao Hợp đồng	15/02-22/02														
	Thực hiện hợp đồng	Từ 01/3/2021														
II.2	***Gói thầu WB-TV-02: Tư vấn giám sát môi trường đặc biệt, giám sát tái định cư***															
1	Thực hiện hợp đồng															

STT	Tên gói thầu	Năm	2020		2021											
		Tháng	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II.3	*Các gói thầu VN- 09:Tư vấn lập chiến lược QH tích hợp; VN-10:Tư vấn lập chiến lược phát triển giao thông công cộng; VN-11:Tư vấn xây dựng chính sách, thể chế, quản lý tài sản đô thị cho cơ quan quản lí và các đơn vị dịch vụ công ích; VN-12:Tư vấn xây dựng các chiến lược phát triển du lịch, công nghiệp để tạo việc làm, tăng khả năng cạnh tranh của đô thị*															
1	Lập TOR và đấu thầu															

PHỤLỤC02: KẾ HOẠCH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

TT	Tên gói thầu/hợp phần/tiểu dự án	Thông báo chủ trương thực hiện công tác GPMB		Kiểm đếm		Phê duyệt phương án bồi thường		Trả bồi thường		Di dời và bàn giao mặt bằng		Ngày khởi công thực hiện dự án	Thờ igian hoàn thành	Ghichú
		Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc	Trình nộp	Phê duyệt	Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc			
1	Cải tạo Kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	6/2020	8/2020	7/2020	6/2021	9/2020	6/2021	11/2020	7/2021	12/2020	8/2021	01/2021	01/2023	
2	Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia	6/2020	8/2020	7/2020	10/2021	9/2020	10/2021	11/2020	11/2021	12/2020	12/2021	01/2021	7/2023	
3	Xây dựng 05 khu Tái định cư dọc các tuyến đường	2/2020	6/2020	3/2020	3/2021	6/2020	3/2021	8/2020	3/2021	9/2020	4/2021	01/2021	09/2021	
4	Xây dựng cầu Sơn Hải; cầu Kênh Trắng; Cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu	8/2020	10/2020	11/2020	6/2021	12/2021	6/2021	12/2020	6/2021	01/2021	7/2021	01/2021	01/2023	
5	Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải	6/2020	8/2020	9/2020	10/2021	01/2021	10/2021	02/2021	11/2021	3/2021	12/2021	4/2021	4/2024	
6	Xây dựng đường Bình Minh đi Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2	10/2020	12/2020	01/2021	10/2021	01/2021	10/2021	02/2021	11/2021	3/2021	12/2021	4/2021	4/2024	

PHỤ LỤC 03: KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021

Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị Động Lực - Tiểu dự án Đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư			Tổng số vốn đã bố trí đến hết năm 2020			Năm2 021		
		Tổng các nguồn vốn	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn vay	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn vay	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn vay
	TỔNG CỘNG	**1,776,511**	**577,550**	**1,198,961**	**113,480**	**36,128**	**77,352**	**377,148**	**25,000**	**352,148**
A	**Các gói thầu sử dụng vốn WB**	**1,323,730**	**124,768**	**1,198,961**	**77,560**	**208**	**77,352**	**363,184**	**11,036**	**352,148**
I	**Gói thầu Xây lắp**	**1,275,242**	**120,360**	**1,154,882**	**75,990**	**100**	**75,890**	**351,784**	**10,000**	**341,784**
1	Cải tạo Kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	146,340	13,812	132,528	24,761	-	24,761	48,325	3,000	45,325
2	Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	184,127	17,378	166,749	28,542	-	28,542	47,355	3,000	44,355
3	Xây dựng 05 khu Tái định cư dọc các tuyến đường (bao gồm bao hiểm xây dựng công trình)	41,738	3,939	37,798	7,747	100	7,647	28,549	200	28,349
4	Xây dựng cầu Sơn Hải; cầu Kênh Trắng; Cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	103,935	9,810	94,126	14,940	-	14,940	29,855	300	29,555
5	Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	439,593	41,490	398,103		-		111,289	2,000	109,289
6	Xây dựng đường Bình Minh đi Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2 (bao gồm bảo hiểm xây dựng công trình)	359,510	33,931	325,578		-		86,411	1,500	84,911
II.	**Gói thầu tư vấn**	**48,487**	**4,408**	**44,079**	**1,570**	**108**	**1,462**	**11,400**	**1,036**	**10,363**
1	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	37,453	3,405	34,049	-	-	-	9,431	857	8,573
2	Tư vấn giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư	6,276	571	5,705	1,183	108	1,075	1,255	114	1,141
3	Tư vấn kiểm toán độc lập	4,758	433	4,326	387	-	387	714	65	649
B	**Các gói thầu sử dụng vốn ngân sách**	**452,782**	**452,782**		**35,920**	**35,920**	**-**	**13,964**	**13,964**	
1	Lập phương án kỹ thuật thi công rà phá bom mìn, vật nổ	120	120		108	108	-			

2	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	4,791	4,791		3,900	3,900	-			
3	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	123	123		100	100	-			
4	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia và hạng mục Xây dựng 05 khu tái định cư dọc tuyến đường	90	90		60	60	-			
5	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Cải tạo kênh Than, Kênh Cầu Trắng	381	381		343	343	-			
6	Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho 70% giá trị khoản vay	12,728	12,728		4,630	4,630	-		1,664	
7	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục giao thông	893	893		0	-	-		300	
8	Tư vấn thẩm định giá vật tư, thiết bị các hạng mục dự án	605	605		0	-	-			
9	Các gói thầu đã thực hiện: Cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường – xã hội; Tư vấn lập nhiệm vụ và dự toán lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo thành phần và thiết kế bản vẽ thi công cho 30% giá trị khoản vay; Thẩm tra nhiệm vụ và dự toán lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo thành phần và thiết kế bản vẽ thi công cho 30% giá trị khoản vay; Tư vấn lập Khung chính sách tái định cư (RPF); Giám sát khảo sát bước nghiên cứu khả thi; Giám sát khảo sát bước bản vẽ thi công các hạng mục ưu tiên (30% vốn vay); Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, các báo cáo thành phần và thiết kế bản vẽ thi công cho 30% giá trị khoản vay	21,975	21,975		19,458	19,458	-			
10	Các chi phí khác: Lập HSMT, HSYC; đánh giá HSDT, HSĐX các gói thầu của dự án; Thẩm định HSMT, HSYC, KQLCNT các gói thầu của dự án; Giám sát Khảo sát bước BVTC phần Tuyến và Cầu; Phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán; Phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	10,365	10,365							
11	Chi phí quản lý dự án	13,606	13,606		2,800	2,800	-		-	
12	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	262,126	262,126		3,500	3,500	-		12,000	
13	Chi phí lãi vay trong thời gian thực hiện dự án, Phí cam kết, phí thu xếp, phí quản lý cho vay lại	100,062	100,062							

PHỤ LỤC 04: KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU NGUỒN VỐN VAY WB

Stt	Ký hiệu HĐ	Tên HĐ	Giá trị (Triệu đồng)			Lựa chọn đấu thầu	Sơ tuyển (Có/ Không)	Ưu đãi trong nước (Có/ Không)	Xem xét bởi WB (Trước/ Sau)	Bắt đầu đấu thầu (dự kiến)	Dự kiến ký hợp đồng
			Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng						
I		**Dịch vụ tư vấn**	**34.049**	**3.405**	**37.453**						
1	WB-TV-01	Giám sát thi công xây dựng	34.049	3.405	37.453	QCBS, quốc tế	Không	Không	Trước	7/2020	02/2021
II		**Xây lắp**	**32.163**	**3.352**	**35.515**						
4	WB-XL-05	Xây dựng đường từ QL1A đi bãi biển Ninh Hải và đoạn đường ven biển từ Ninh Hải đến cầu Sơn Hải (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	17.693	1.844	19.537	RFB, Trong nước	Không	Không	Trước	01/2021	03/2021
5	WB-XL-06	Xây dựng đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - KKT Nghi Sơn và đoạn đường ven biển từ cầu Sơn Hải đến cầu Lạch Bạng 2 (bao gồm Bảo hiểm xây dựng công trình)	14.470	1.508	15.978	RFB, Trong nước	Không	Không	Trước	01/2021	03/2021

PHỤ LỤC 05: KHUNG KẾT QUẢ DỰ ÁN

Tên chỉ số	Chỉ số giải ngân DLI	Dữ liệu cơ sở	Mục tiêu năm 2021
Kiểm soát lũ lụt			
Phần diện tích dễ xảy ra nguy cơ lũ lụt ở các địa bàn có can thiệp của dự án (héc ta)		159,50	159,50
Số người thụ hưởng từ việc cải thiện hệ thống thoát nước trong khu vực được can thiệp của dự án (người)		0,00	0,00
Người thụ hưởng là nữ (%)		0,00	0,00
Người thụ hưởng trong nhóm 40% dân số có thu nhập thấp nhất (%)		0,00	0,00
Vệ sinh môi trường đô thị			
Số người dân được tiếp cận với các hệ thống vệ sinh môi trường được cải thiện trong khuôn khổ dự án (người)		0,00	0,00
Người thụ hưởng là nữ (%)		0,00	0,00
Người thụ hưởng trong nhóm 40% dân số có thu nhập thấp nhất (%)		0,00	0,00
Giao thông đô thị			
Số người dân được tiếp cận với đường được cải tạo hoặc xây mới trong khuôn khổ dự án (người)		0,00	0,00
Người thụ hưởng là nữ (%)		0,00	0,00
Người thụ hưởng trong nhóm 40% dân số có thu nhập thấp nhất (%)		0,00	0,00
Số người dân hài lòng với đường được cải tạo hoặc xây mới trong khuôn khổ dự án (%)		0,00	0,00
Số người sử dụng là nữ hài lòng với kết quả dự án (%)		0,00	0,00
Tỷ lệ người sử dụng thuộc nhóm 40% thu nhập thấp nhất hài lòng với kết quả dự án		0,00	0,00

(%)			
Không gian công cộng			
Số người dân được sử dụng không gian công cộng được cải tạo hoặc xây mới (người)		0,00	0,00
Người thụ hưởng là nữ (%)		0,00	0,00
Người thụ hưởng trong nhóm 40% dân số có thu nhập thấp nhất (%)		0,00	0,00
Số người sử dụng hài lòng với không gian công cộng được cải tạo hoặc xây mới (%)		0,00	0,00
Số người sử dụng là nữ hài lòng với kết quả dự án (%)		0,00	0,00
Tỷ lệ người sử dụng thuộc nhóm 40% thu nhập thấp nhất hài lòng với kết quả dự án (%)		0,00	0,00
Quy hoạch đô thị			
Số lượng kế hoạch quản lý tài sản đô thị được xây dựng, trong đó có cung cấp đầy đủ các dịch vụ chăm sóc trẻ (số lượng)		0,00	0,00
Các thành phố có điều kiện sống, tính bền vững và năng lực quản lý tốt hơn			
Các thành phố có điều kiện sống, tính bền vững và/hoặc năng lực quản lý tốt hơn (CRI, Số)		0,00	0,00
Đối tượng thụ hưởng			
Những người được cung cấp điều kiện sống đô thị tốt hơn (CRI, Số)		0,00	0,00
Những người được cung cấp điều kiện sống đô thị tốt hơn là phụ nữ (yêu cầu RMS) (CRI, Số)		0,00	0,00
Thúc đẩy bình đẳng giới			
Đưa yêu cầu cung cấp dịch vụ trông trẻ vào kế hoạch phát triển thành phố tích hợp		0,00	0,00
Giảm khoảng cách thời gian giữa nam và nữ dành chăm con 3 - 72 tháng tuổi (%)		51,00	51,00